

**THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG ĐẾN KĨ NĂNG
TRONG NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN KIM HỒNG*, HUỲNH VĂN SƠN*

TÓM TẮT

Bài viết phân tích kết quả sau thực nghiệm về mặt kĩ năng trong năng lực hướng nghiệp (NLHN) của giáo viên bộ môn (GVBM) ở trường trung học phổ thông (THPT) tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) hiện nay dựa trên kết quả khảo sát mẫu khách thể thực nghiệm và nhóm đối chứng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sau thực nghiệm, kĩ năng của GVBM được cả GVBM lẫn sinh viên (SV) đánh giá là có chuyển biến khá tích cực.

Từ khóa: kĩ năng hướng nghiệp, giáo viên bộ môn, năng lực hướng nghiệp của giáo viên bộ môn.

ABSTRACT

Results of the experiment on intervening in the skill perspective of the vocational guidance capacity of subject teachers in high schools in Ho Chi Minh City.

The article presents results of the experiment on intervening in the skill perspective of the vocational guidance capacity of subject teachers in high schools in Ho Chi Minh City based on results of the survey done with the experimental group and the control group. Results show that both subject teachers and students have confirmed that interventions have had positive impacts on subject teachers' skills.

Keywords: vocational skill, subject teachers, vocational guidance capacity of subject teachers.

1. Đặt vấn đề

Việc hướng nghiệp cho học sinh (HS) THPT được Đảng và Nhà nước ta coi trọng. Đã có nhiều chủ trương, quyết định ban hành để thực hiện hoạt động này, như: Quyết định 126/CP của Chính phủ [3], Điều 27 của Luật Giáo dục năm 2005 [7]... Ngay từ những năm đầu của thế kỉ XXI, giáo dục hướng nghiệp (HN) và dạy nghề phổ thông được quan tâm và đưa vào chương trình giáo dục phổ thông từ lớp 9 (bậc trung học cơ sở) đến lớp 12 (THPT). Vì lẽ đó, Văn kiện Đại hội Đảng

toàn quốc lần IX đã nhấn mạnh, coi trọng công tác HN và phân luồng HS trung học, chuẩn bị cho thanh thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương. [2]

Năng lực hướng nghiệp là khả năng thực hiện hoạt động HN theo các vấn đề và mục tiêu xác định. NLHN bao gồm các kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với hoạt động HN. Kĩ năng tư vấn HN của GVBM được hiểu là việc cung cấp cho HS những thông tin liên

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: nkhong1204@gmail.com

quan đến nghề, yêu cầu của nghề đối với người lao động, nhu cầu xã hội hay hệ thống trường đào tạo, giải đáp những thắc mắc, gợi ý và định hướng quá trình chọn nghề phù hợp với năng lực và điều kiện của HS. [8]

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy kỹ năng trong NLHN của GVBM thể hiện sự hạn chế nhất định. Chính vì vậy việc nghiên cứu thực nghiệm các biện pháp tác động đến kỹ năng trong NLHN cho GVBM là hết sức cần thiết.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành trên hai nhóm khách thể: nhóm 1 - 52 GVBM ở 3 Trường THPT (Võ Minh Đức, Nguyễn Trãi, An Mỹ) và khách thể thuộc nhóm đối chứng là 52 GVBM ở 3 Trường THPT (Tân Phước Khánh, Thường Tân, Thái Hòa) và nhóm 2 - 76 SV năm 4 ở 3 Khoa của Trường Đại học Sư phạm TPHCM (Văn, Sử, Địa) và khách thể thuộc nhóm đối chứng là 76 SV năm 4 ở 3 Khoa Trường Đại học Sư phạm TPHCM (Toán, Lí, Hóa). Trong nghiên cứu này, công cụ nghiên cứu chính là một bảng khảo sát gồm ba phần: lời chào và giới thiệu mục đích; phần thông tin cá nhân và cuối cùng là nội dung câu hỏi. Số liệu xử lý thống kê SPSS for Windows, phiên bản 20.0. Bảng hỏi được tính điểm theo từng câu, từng vấn đề nghiên cứu mà không tập trung vào tính điểm tổng thể và căn cứ trên cơ sở xác định thang đo biến thiên liên tục trong thống kê khoa học xã hội.

Mức độ kỹ năng HN của GVBM được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Kỹ năng tư vấn HN, kỹ năng tích hợp các nội

dung HN thông qua các môn văn hóa.

Các biện pháp tác động đến kỹ năng tư vấn HN của GVBM bao gồm:

- Biện pháp 1: Tổ chức chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng tư vấn HN cho đội ngũ GVBM ở trường THPT.

- Biện pháp 2: Thực hành ở phòng tư vấn HN tại trường học.

- Biện pháp 3: Tổ chức chuyên đề tích hợp các nội dung HN vào một số môn học cho đội ngũ GVBM ở trường THPT.

- Biện pháp 4: Tổ chức dự giờ các tiết học mẫu ở một số môn học có tích hợp các nội dung HN.

Có thể mô tả cách chấm điểm kỹ năng tư vấn HN của GVBM như sau: mức độ “rất thấp/không quan trọng/hoàn toàn không đồng ý” (1 điểm), “thấp/ít quan trọng/không đồng ý” (2 điểm), “trung bình/phân vân” (3 điểm), “cao/quan trọng/đồng ý” (4 điểm) đến “rất cao/rất quan trọng/rất đồng ý” (5 điểm). Như vậy, trong nghiên cứu này, nếu khách thể đạt điểm càng cao trong một thang đánh giá nào đó thì càng có năng lực ở thang đánh giá đó; và ngược lại, nếu khách thể có số điểm càng thấp thì năng lực càng ít ở thang điểm định đo.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Đánh giá chung về NLHN thông qua kỹ năng

a. Đánh giá chung về NLHN thông qua kỹ năng tư vấn HN

• Đánh giá của chuyên gia HN

Định hướng nghề nghiệp là việc thông tin cho HS về đặc điểm hoạt động và yêu cầu phát triển của các nghề trong xã hội, về yêu cầu tâm sinh lí của mỗi nghề... Có thể hiểu tư vấn HN là một hệ thống những biện pháp tâm lí - giáo dục

nhằm đánh giá toàn bộ năng lực thể chất và trí tuệ của HS, đối chiếu các năng lực đó với những yêu cầu do nghề đặt ra. Để đảm bảo mặt này, nhà trường cần làm các nhiệm vụ cụ thể như: khảo sát, đánh giá các đặc điểm về thể chất, trí tuệ, hứng thú, hoàn cảnh... của HS, đối chiếu những đặc điểm đó với đặc điểm, yêu cầu của ngành nghề; trên cơ sở đó cho HS những lời khuyên về chọn nghề có căn cứ khoa học.

Rõ ràng tư vấn HN cho HS THPT được xem là nhiệm vụ cơ bản của giáo dục HN. Đây là một yêu cầu cơ bản trong nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho HS THPT trong thực tiễn giáo dục ở nhà trường hiện nay. Với vai trò chủ đạo trong công tác HN, những nguồn thông tin đến từ nhà trường (từ giáo viên (GV) chủ nhiệm, GVBM, GV HN...) HS sẽ được cung cấp những nguồn thông tin hữu ích để từ đó có thể định hướng chính xác hơn về nghề và điều chỉnh xu hướng nghề một cách phù hợp.

Với biện pháp 1 là tổ chức chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng tư vấn HN cho đội ngũ GVBM ở trường THPT và biện pháp 2 là thực hành ở phòng tư vấn HN tại trường học, chuyên gia về HN có một số đánh giá như sau:

❖ Ở nhóm đối chứng (GVBM &

Bảng 1. Tự đánh giá của GVBM và SV về kỹ năng tư vấn HN sau thực nghiệm

STT	Mức độ	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Rất thấp	0	0	0	1	2,34	1,45
2	Thấp	2	9	12	32	2,01	0,04
3	Trung bình	13	19	27	31	0,34	1,23
4	Cao	28	38	11	10	0,05	-0,01
5	Rất cao	9	10	2	2	0,19	0,23

SV): Kỹ năng tư vấn HN còn khá nhiều hạn chế với những biểu hiện như sau:

- GVBM và SV, nhất là SV tỏ ra rất rụt rè trong việc tư vấn HN.

- SV thiếu kiến thức về tư vấn HN nên không biết phải làm gì khi tư vấn HN. Một số GVBM có kiến thức tương đối về tư vấn HN, tuy nhiên không áp dụng đúng các bước tư vấn HN dẫn đến HN không đầy đủ.

- GVBM và SV đa phần bỏ qua bước nhận thức bản thân HS mà tập trung vào bước tìm hiểu nghề nghiệp.

Ở nhóm thực nghiệm (GVBM & SV): Với biện pháp 1: Tổ chức chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng tư vấn HN cho đội ngũ GVBM ở trường THPT; và biện pháp 2: Thực hành ở phòng tư vấn HN tại trường học, kỹ năng tư vấn HN đã thực hiện được những bước cơ bản nhưng vẫn còn một số điểm cần phải khắc phục như sau:

- GVBM và SV, nhất là GVBM tỏ ra rất tự tin khi tư vấn HN;

- GVBM và SV đã áp dụng đúng trình tự các bước tư vấn HN cơ bản. Tuy nhiên vì chưa có nhiều kinh nghiệm, một số SV còn tỏ ra thiếu linh hoạt với những phản hồi của HS.

• Tự đánh giá về kỹ năng tư vấn HN (xem bảng 1)

Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 1 về đánh giá chung của GVBM về NLHN thông qua mặt kỹ năng tư vấn HN cho thấy, ở nhóm đối chứng, mức độ lựa chọn của GVBM tập trung chủ yếu ở mức “trung bình”. Điều này có nghĩa là biểu hiện về mặt kỹ năng tư vấn HN của GVBM còn thể hiện sự hạn chế nhất định. Còn ở nhóm thực nghiệm, GVBM có sự đánh giá tập trung chủ yếu ở mức “cao”. Kết quả thống kê cũng cho thấy, có sự khác biệt ý nghĩa giữa hai nhóm ở mức 0,05.

Kết quả đánh giá của SV ở nhóm đối chứng có tần số lựa chọn tập trung chủ yếu ở hai mức “thấp” và “trung bình”. Đối chiếu với kết quả của nhóm thực nghiệm thì có sự khác biệt nhất định về tần số lựa chọn, cụ thể là lựa chọn cao nhất ở mức “cao” và mức thấp có tần số lựa chọn thấp nhất. Kết quả thống kê cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng. Cụ thể: Ở hai mức “thấp” với $\text{sig.} = 0,04 < 0,05$ và ở mức “cao” với $\text{sig.} = -0,01 < 0,05$.

Rõ ràng, khi được tác động bởi những biện pháp thực nghiệm thì tự đánh giá NLHN của GVBM một số trường THPT tại TPHCM có sự chuyển biến tích cực, đây là tín hiệu khả quan cho thấy tính hiệu quả của quá trình thực nghiệm.

- *Kết quả quan sát và phỏng vấn về kỹ năng tư vấn HN ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng*

Nhìn tổng quát về công tác tư vấn HN hiện nay thì vấn đề này còn nhiều nội dung chưa được quan tâm hoặc chưa thật sự hiệu quả. Thường thì chỉ khi gần đến kì thi tuyển sinh hàng năm, các trường

đại học, cao đẳng và trung cấp mới kết hợp với các cơ quan truyền thông, các tổ chức chính trị - xã hội để tổ chức tư vấn tuyển sinh ở các trường THPT. Sự hiểu biết về nghề nghiệp mà các em chọn cũng như những yêu cầu của nghề và sự đáp ứng yêu cầu của bản thân đối với nghề còn rất hạn chế. Điều này đã làm cho HS có những suy nghĩ sai lệch trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai. Chính vì vậy, HS rất cần được sự định hướng đúng, được tư vấn rõ ràng và đầy đủ trong việc HN.

Thực tế ghi nhận được thông qua quan sát kỹ năng tư vấn HN của GVBM và SV nhóm đối chứng còn rất nhiều hạn chế, thậm chí là không có, trong khi đó nhóm thực nghiệm được quan sát là có kỹ năng, mặc dù kỹ năng còn chưa cao.

Qua phỏng vấn, có không ít ý kiến chia sẻ giống với Cô Đ.T.T. (GV Quận 6): *“Thật tình mà nói GVBM như chúng tôi NLHN còn rất nhiều hạn chế và thiếu sót. Sở dĩ như vậy vì chúng tôi chưa được bồi dưỡng về kỹ năng tư vấn HN cho HS. Đôi lúc HS nhờ tôi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho các em, tôi chỉ chia sẻ cho các em dựa vào kinh nghiệm và hiểu biết cá nhân chứ tư vấn thì chưa phải”*. Rõ ràng, qua chia sẻ của cô T. chúng ta thấy được những bất cập đang tồn tại ở các trường THPT. Để có cái nhìn đa chiều hơn về vấn đề đang đề cập, chúng tôi tiến hành phỏng vấn GVBM ở nhóm thực nghiệm. Cô B.T. (GV Quận 5) cho biết: *“Qua quá trình tham gia thực nghiệm, tôi hiểu hơn về công tác tư vấn HN là như thế nào, biết được các kỹ năng HN cơ bản và thậm chí được trải nghiệm thực hành ở phòng tư*

vấn HN trường học. Được tham gia bồi dưỡng kỹ năng tư vấn HN, bản thân tôi phần nào hình dung được các công việc liên quan đến hoạt động HN và cảm thấy tự tin hơn khi tư vấn HN cho các em”.

b. Đánh giá chung về NLHN thông qua kỹ năng tích hợp các nội dung HN ở các môn văn hóa

• *Đánh giá của chuyên gia HN*

HN là một hệ thống biện pháp tác động của nhà trường, gia đình, xã hội trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm hướng dẫn và chuẩn bị nghề cho HS sẵn sàng đi vào ngành nghề tại những nơi xã hội đang cần phát triển, đồng thời phù hợp với hứng thú, năng lực cá nhân của các em. HN trong quá trình dạy các môn văn hóa ở trường THPT là một việc rất quan trọng, vì những tri thức về ngành, nghề khác nhau trong xã hội chứa đựng trong nội dung các môn học. Khi tích hợp giáo dục HN trong các môn văn hóa sẽ đạt được “mục tiêu kép”, vừa nâng cao chất lượng dạy học môn học vừa góp phần làm cho HS định hướng nghề nghiệp sau này.

Đánh giá của chuyên gia HN cho thấy:

❖ Ở nhóm đối chứng

- GVBM và SV chưa biết tích hợp các nội dung HN trong môn văn hóa mà mình đảm nhận.

- Một số ít GVBM có thể tích hợp

nhưng chưa đảm bảo được các nguyên tắc trong tích hợp như không phù hợp với trình độ của HS, ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung chính...

❖ Ở nhóm thực nghiệm: Với biện pháp 3: Tổ chức chuyên đề tích hợp các nội dung HN vào một số môn học cho đội ngũ GVBM ở trường THPT; và biện pháp 4: Tổ chức dự giờ các tiết học mẫu ở một số môn học có tích hợp các nội dung HN:

- GVBM và SV bước đầu biết tích hợp các nội dung HN trong môn văn hóa mà mình đảm nhận.

- Một số ít GVBM có thể tích hợp nhưng chưa đảm bảo được các nguyên tắc trong tích hợp như không phù hợp với trình độ của HS, ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung chính...

• *Tự đánh giá về kỹ năng tích hợp các nội dung HN thông qua các môn văn hóa (xem bảng 2)*

Các môn văn hóa trong nhà trường là những môn học được đưa vào dạy theo chương trình giáo dục phổ thông và là các môn học chính khóa trong nhà trường. Chính vì vậy, việc GVBM tích hợp các nội dung HN cho HS thông qua môn học là điều rất cần thiết, vì giáo dục tích hợp ít nhiều sẽ giúp các em có thêm thông tin để lập kế hoạch chọn nghề tương lai sao cho vừa phù hợp với khả năng, học lực của bản thân.

Bảng 2. Tự đánh giá của GVBM và SV về kỹ năng tích hợp các nội dung HN cho HS THPT thông qua các môn văn hóa

STT	Mức độ	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Rất thấp	1	2	6	14	1,98	0,02
2	Thấp	8	12	24	29	0,45	0,65
3	Trung bình	10	18	19	28	1,34	2,34
4	Cao	25	38	3	5	-0,23	-0,78
5	Rất cao	8	6	0	0	0,04	0,08

Kết quả nghiên cứu ở nhóm thực nghiệm cho thấy đánh giá chung của GVBM và SV về NLHN thông qua kỹ năng tích hợp nội dung HN trong các môn văn hóa tập trung chủ yếu ở mức “cao”. Nếu như ở nhóm đối chứng không có lựa chọn ở mức độ “rất cao” thì ở nhóm thực nghiệm có sự lựa chọn nhất định. Quan sát kết quả so sánh giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm cho thấy, ở nhóm khách thể, GVBM có sự khác biệt ý nghĩa ở hai mức độ “cao” (Sig. = -0,23 < 0,05) và “rất cao” (Sig. = 0,04 < 0,05), còn ở SV có sự khác biệt ở hai mức độ “rất thấp” (Sig. = 0,02 < 0,05) và “cao” (Sig. = -0,78). Cụ thể, tần số SV ở 2 mức này giảm hẳn so với nhóm đối chứng. Qua phân tích trên cho thấy trong cái nhìn tổng thể khi trải qua các biện pháp tác động đến kỹ năng tích hợp trên nhóm thực nghiệm thì kết quả đánh giá trội hơn so với nhóm đối chứng.

• *Kết quả quan sát và phỏng vấn về kỹ năng tích hợp các nội dung HN thông qua các môn văn hóa*

Trong những năm gần đây, kỹ năng tích hợp được nhắc đến rất nhiều. Qua quan sát của chúng tôi thì kỹ năng tích

hợp các nội dung HN thông qua các môn văn hóa của GVBM ở nhóm đối chứng còn bộc lộ rất nhiều điểm yếu, biểu hiện cụ thể là GVBM còn quá mơ hồ trong việc tích hợp giáo dục HN vào trong môn học, hoạt động HN còn mang tính duy ý chí... Điều này cũng không quá bất ngờ vì chính đội ngũ GVBM chưa được học tập một cách bài bản và khoa học về giáo dục tích hợp HN ở bộ môn và chưa có nhiều cơ hội để tham gia bồi dưỡng kỹ năng tư vấn HN ở trường THPT và cũng chưa có điều kiện để thực hành ở phòng tư vấn HN tại trường học. Chính vì vậy, nhìn chung, kỹ năng tích hợp các nội dung HN thông qua các môn văn hóa của GVBM nhóm đối chứng còn tồn tại nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Trong khi đó với sự tập huấn, nhóm thực nghiệm đã có sự chuyển biến và bước đầu đã hình thành kỹ năng này.

Để có thêm cơ sở cho thực trạng đang được đề cập ở trên, chúng tôi phỏng vấn GV T.V.T - quận Thủ Đức: “Chúng tôi thật sự vẫn còn chưa hình dung hết những công việc liên quan đến tích hợp các nội dung HN thông qua các môn văn hóa cho HS. Đôi khi chúng tôi tiến hành

tích hợp các nội dung HN thông qua các môn văn hóa chủ yếu cũng dựa vào kinh nghiệm của cá nhân là chính”. Một GV khác, cô N.T.B.T – Quận 8 chia sẻ: “GVBM chúng tôi ngoài nhiệm vụ dạy kiến thức chuyên môn còn phải giáo dục HN cho HS thông qua hoạt động dạy lồng ghép, tích hợp. Thế nhưng tôi và các đồng nghiệp chưa có cơ hội tham gia học tập, bồi dưỡng kỹ năng tích hợp các nội dung HN vào bộ môn, thậm chí chưa có điều kiện để dự giờ các tiết học mẫu ở một số môn học có tích hợp các nội dung HN”.

c. Đánh giá chung về NLHN thông qua mặt kỹ năng sau thực nghiệm (xem bảng 3)

Đánh giá chung về NLHN thông qua mặt kỹ năng của GVBM và SV sau thực nghiệm ở bảng 3 cho thấy, sau thời gian thực nghiệm, kỹ năng HN của cả GVBM và SV đều có sự biến chuyển theo hướng tích cực hơn. Phân tích cụ thể ở nhóm GVBM cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở mức 0,05 đối với ba mức độ “thấp”, “trung bình”, “cao”, và ở nhóm SV có sự khác biệt ở hai mức “thấp” và “cao”.

Bảng 3. Đánh giá chung về NLHN thông qua mặt kỹ năng của GVBM và SV sau thực nghiệm

STT	Mức độ	Tần số				Sig.	
		Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng		GVBM	SV
		GVBM	SV	GVBM	SV		
1	Rất thấp	0	1	3	8	1,43	0,23
2	Thấp	5	10	18	30	0,03	0,02
3	Trung bình	12	19	23	30	-0,11	0,87
4	Cao	27	38	7	7	-0,34	-0,56
5	Rất cao	8	8	1	1	0,08	0,76

So với mặt nhận thức, mặt kỹ năng sau thực nghiệm dù chưa cao (do kỹ năng muốn hình thành và phát triển thì cần phải có thời gian rèn luyện) nhưng điều này nói lên rằng, kỹ năng HN của GVBM và SV sau thực nghiệm đã có sự thay đổi ý nghĩa về mặt thống kê. Trong cái nhìn tổng thể thấy được rằng các hoạt động thực nghiệm đã mang lại tín hiệu đáng khích lệ qua đánh giá khách quan của chính GVBM và SV.

3. Kết luận

Kết quả phỏng vấn, đánh giá của chuyên gia HN cũng như qua kết quả so sánh giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm về mặt kỹ năng trong NLHN của GVBM cho thấy có những chuyển biến tích cực và thể hiện sự khác biệt đáng kể về mặt thống kê. Kết quả nghiên cứu này là minh chứng xác đáng để khẳng định các biện pháp tác động đến kỹ năng tư vấn HN và kỹ năng tích hợp các nội dung HN thông qua các môn văn hóa mà đề tài đề xuất là hữu hiệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tất Dong (chủ biên) (2012), *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia.
3. Hội đồng Chính phủ (1981), *Quyết định 126/CP ngày 19/03/1981 về công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông và việc sử dụng hợp lý học sinh các cấp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học tốt nghiệp ra trường*.
4. Mai Ngọc Luông (2006), *Thực trạng công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trường phổ thông bậc trung học ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Sờ Khoa học và Công nghệ TP HCM.
5. Trần Thị Thu Mai (2010), “Hoạt động của phòng tư vấn tâm lí - giáo dục - hướng nghiệp ở trường phổ thông”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP HCM*, số 19(53), tháng 01/2010.
6. Đào Thị Oanh (2004), “Nghiên cứu xu hướng nghề nghiệp của học sinh trung học”, *Tạp chí Tâm lí học*, số 7, tr.21-27.
7. Quốc hội (2005), *Luật Giáo dục 2005*.
8. Huỳnh Văn Sơn (2010), *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông tỉnh Bình Dương giai đoạn 2010 - 2015*, Đề tài Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Dương.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-01-2016; ngày phản biện đánh giá: 31-3-2016;
ngày chấp nhận đăng: 25-4-2016)